

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HS-ST

Ngày: 10-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HS ngày 29/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Tất T, sinh năm 1992, tại Bình Phước.

Nơi cư trú: Tổ 4, khu phố 6, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tất S và bà Lê Thị T; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1997 (đã ly hôn). Con Nguyễn Tất Minh Q, sinh năm 2017

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phùng Anh Đ, sinh năm 1991 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Vũ Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/7/2021, Nguyễn Tất T xảy ra mâu thuẫn với bà Lê Thị T1 (mẹ của T) nên T đi bộ một mình đến nhà nghỉ “Th”, thuộc khu phố 5, thị trấn T, huyện H, cách nhà T khoảng 1km để thuê phòng ngủ. Khi đến nơi, T đứng ở ngoài cổng gọi nhưng không ai trả lời nên T trèo qua bờ rào vào bên trong nhà nghỉ đi đến quầy Lễ tân nhưng cũng không có ai. T đi đến phòng số 02 nhìn thấy 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone 12 64G, màu: xanh ngọc của anh Phùng Anh Đ, đang cắm sạc để trên bàn gỗ và không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T đi vào phòng dùng tay rút dây sạc, lấy điện thoại của Đ bỏ vào túi quần rồi đi bộ về nhà.

Khoảng 14 giờ ngày 28/7/2021, T mang điện thoại chiếm đoạt được của Đ đi đến cửa hàng điện thoại di động “N” do anh Vũ Văn T2 làm chủ để đổi lấy 01 điện thoại di động OPPO Reno 5 mà T đã cầm trước đó với giá 4.800.000 đồng. Tại đây, T nói với T2: “Cho em đổi điện thoại OPPO Reno 5”, T2 nói: “Cho anh mật khẩu”, T nói: “Điện thoại em mượn người ta cầm nên không cho mật khẩu, đưa em điện thoại OPPO em bán rồi quay lại chuộc” thì anh T2 đồng ý. Sau khi đổi điện thoại xong, T mang điện thoại di động OPPO Reno 5 đến cửa hàng điện thoại di động “H”, của anh Vũ Văn S làm chủ cầm cố được số tiền 4.000.000 đồng rồi T đi về nhà. Ngày 08/8/2021, T đến cửa hàng điện thoại di động “N” lấy thêm 500.000 đồng tiền cầm điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone 12 mà T đã đổi trước đó thì anh T2 đồng ý. Số tiền cầm điện thoại, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 09/8/2021, anh Đ biết được T là người đã lấy điện thoại của mình nên trình báo sự việc đến Công an thị trấn T để phối hợp giải quyết. Tại Cơ quan Công an T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTTTHS, ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh Bình Phước, kết luận: giá trị còn lại của 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 64G, màu: Xanh Ngọc, số IMEI: 353241895037813; Năm sản xuất: 2021 có giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 18.449.100 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 64G, màu: Xanh Ngọc, số IMEI: 353241895037813; 01 (một) hộp box, màu: Trắng bằng giấy, trên hộp có ghi chữ Iphone, sau hộp có ghi chữ IMEI/METD: 353241895105966; 01

(một) điện thoại di động OPPO Reno 5, màu: Trắng Bạc, số IMEI: 865545058031871.

Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Tất T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tất T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm b, h, i, khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tất T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 27/7/2021 tại nhà nghỉ Th thuộc khu phố 5, thị trấn T, huyện H, Nguyễn Tất T đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xanh ngọc của anh Phùng Anh Đ, mục đích để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3] Xét lời khai nhận tội của Bị cáo là phù hợp với lời khai của người Bị hại, phù hợp với Biên bản xác định hiện trường, Kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 64G, màu xanh ngọc có giá trị 18.449.100đ, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Tất T có giá trị 18.449.100đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Tất T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Xét hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn thực hành vi với lỗi cố ý, ảnh hưởng đến an ninh địa phương. Nên cần thiết xử phạt bị cáo mức án phù hợp để cải tạo, giáo dục Bị cáo thành người lương thiện. Tuy nhiên, Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng, được bị hại có đơn yêu xin giảm nhẹ hình phạt; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm b, h, i, s, khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, thể thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng án treo, giao Bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục là thỏa đáng.

[5] Đối với Vũ Văn T2 đã có hành vi cầm cố tài sản T chiếm đoạt, tuy nhiên khi T2 nhận cầm cố điện thoại thì không biết điện thoại trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận được số tiền bồi thường từ gia đình T và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động Iphone 12 64G, màu: Xanh Ngọc và 01 (một) hộp box, màu: Trắng bằng giấy, trên hộp có ghi chữ Iphone, là tài sản hợp pháp của anh Phùng Anh Đ nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh Đ là phù hợp theo quy định điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 (một) điện thoại di động OPPO Reno 5, màu: Trắng Bạc, là điện thoại của anh Phạm Văn T3 cho Nguyễn Tất T mượn để đi cầm cố nên Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho T3 theo quy định điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tất T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T mức hình phạt tù từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo, chịu sự quản lý, giáo dục của chính quyền địa phương là phù hợp. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tất T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong thời gian thử thách, nếu Bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc Bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về vật chứng vụ án: Đã được trả lại cho bị hại theo quy định điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tất T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Nhà tạm giữ CAH H;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học